

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(đã được Soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính đã được Soát xét	05-36
Báo cáo thu nhập toàn diện	05-06
Báo cáo tình hình tài chính	07-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-36

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Kiên	Ủy viên
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Trung	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện Soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Số: 1687/BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 7 năm 2016, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo thu nhập toàn diện cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
			2016	2015	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2.455.451.947	860.816.388	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	1.136.680.557	555.037.388
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	27.b)	1.318.771.390	305.779.000
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		17.518.635.954	17.524.196.884
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		13.192.661.191	13.043.905.603
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		43.799.318	6.847.861.507
08	1.8	Doanh thu tư vấn		1.756.363.636	1.458.494.242
10	1.10	Doanh thu lưu ký chứng khoán		754.479.647	708.385.254
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	27.d)	2.015.993.460	1.433.037.593
20	Cộng doanh thu hoạt động		37.737.385.153	41.876.697.471	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		4.113.822.768	2.908.284.704
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	4.113.822.768	2.908.284.704
23	2.3	Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu		3.200.797.536	2.476.330.207
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay		(1.964.025.067)	818.599.730
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh		42.232.024	22.432.309
27	2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	29	5.947.247.261	10.907.892.404
29	2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn	29	370.000.000	805.399.999
31	2.11	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	29	1.045.676.801	728.520.875
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	29	12.677.000	1.219.020
40	Cộng chi phí hoạt động		12.768.428.323	18.668.679.248	
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
60	Cộng chi phí tài chính		-	-	
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	16.085.882.554	15.219.186.345

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		8.883.074.276	7.988.831.878
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		153.578.829	612.942.100
72	8.2 Chi phí khác		9.174.510	62.535
80	Cộng kết quả hoạt động khác		144.404.319	612.879.565
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.027.478.595	8.601.711.443
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		9.027.478.595	8.601.711.443
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	31	1.607.726.259	1.626.596.102
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.1	1.607.726.259	1.626.596.102
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		7.419.752.336	6.975.115.341
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	187	176
502	13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		187	176

Quách Thị Xuân Thu
Người lậpPhạm Thị Vân
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		415.518.464.052	406.532.835.691
110	I. Tài sản tài chính		409.558.550.221	403.393.082.184
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.735.692.151	24.666.322.744
111.1	1.1 Tiền		20.011.692.151	13.942.322.744
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		15.724.000.000	10.724.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	81.173.196.795	82.412.041.508
114	4. Các khoản cho vay	5	275.590.642.370	279.205.358.602
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	20.000.000.000	20.000.000.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(15.063.609.773)	(17.027.634.840)
117	7. Các khoản phải thu	7	8.235.153.087	8.862.019.665
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		7.813.891.112	8.862.019.665
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		421.261.975	-
117.4	7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		421.261.975	-
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung	7	1.532.355.486	1.406.929.277
122	12. Các khoản phải thu khác	7	5.872.970.325	7.385.895.448
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		5.959.913.831	3.139.753.507
131	1. Tạm ứng		481.941.000	754.601.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.836.394.349	1.747.452.532
135	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	2.641.578.482	637.699.975
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		153.358.611.528	154.102.478.774
220	II. Tài sản cố định		141.384.442.346	143.438.837.488
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.763.899.630	13.331.976.385
222	- Nguyên giá		26.679.813.276	26.679.813.276
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.915.913.646)	(13.347.836.891)
223b	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	128.620.542.716	130.106.861.103
228	- Nguyên giá		151.515.305.185	151.377.094.185
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.894.762.469)	(21.270.233.082)
229b	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý		-	-
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		61.360.613	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		11.912.808.569	10.663.641.286
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	747.188.416	700.307.416
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	11.165.620.153	9.963.333.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		568.877.075.580	560.635.314.465

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		157.138.599.400	150.758.590.621
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		157.138.599.400	150.758.590.621
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	150.216.392.768	111.938.256.442
312	1.1 Vay ngắn hạn		150.216.392.768	111.938.256.442
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	2.373.504.654	27.694.587.018
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		505.471.400	528.581.415
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		444.925.501	1.539.337.207
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.065.745.415	2.993.630.354
323	11. Phải trả người lao động		251.035	939.349.299
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		17.175.810	35.668.100
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn		204.583.822	37.816.660
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		216.000.000	216.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	94.548.995	4.835.364.126
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		411.738.476.180	409.876.723.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	411.738.476.180	409.876.723.844
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		397.000.000.000	397.000.000.000
414	4. Quỹ dự trữ điều lệ		3.331.847.240	2.986.678.942
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.331.847.240	2.986.678.942
417	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.074.781.700	6.903.365.960
417.1	7.1 Lợi nhuận đã thực hiện		8.074.781.700	6.903.365.960
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		411.738.476.180	409.876.723.844
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		568.877.075.580	560.635.314.465
			6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
450	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		5.558.000.000	-
451	1. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm	18	5.558.000.000	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	14.968.860.000	14.703.530.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		14.968.020.000	14.703.530.000
008.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		840.000	-
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	20	83.509.350.000	85.947.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Số lượng chứng khoán				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	3.012.682.250.000	2.305.437.410.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		2.301.343.970.000	2.052.417.420.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		116.549.030.000	98.195.910.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		517.538.280.000	122.232.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		77.250.970.000	32.592.080.000
Đồng Việt Nam				
026	6. Tiền gửi của khách hàng	22	171.127.430.420	156.715.217.373
027	6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		171.056.483.170	156.644.340.723
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		171.056.483.170	156.644.340.723
029	6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	23	70.947.250	70.876.650
030	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24	171.056.483.170	156.644.340.723
030.1	7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		171.056.483.170	156.644.340.723
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25	70.947.250	70.876.650



Quách Thị Xuân Thu
Người lập



Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		9.027.478.595	8.601.711.443
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.192.606.142	2.342.949.501
04	- Các khoản dự phòng		-	818.599.730
06	- Chi phí phải trả, chi phí trả trước		166.767.162	(931.647.065)
20	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ			
27	- Hoàn nhập chi phí dự phòng		(1.964.025.067)	-
30	5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động			
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		1.238.844.713	(5.983.007.749)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		3.614.716.232	(60.133.150.659)
35	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(816.281.817)	(1.035.028.515)
42	6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.460.105.960	(56.319.573.314)
43	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.061.460.244	7.031.250.000
44	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		(421.261.975)	-
45	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(133.169.606)	(2.886.549)
47	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(654.458.332)	(4.168.975.044)
48	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		(2.109.523.540)	(513.587.469)
49	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(25.321.082.364)	-
50	- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(17.776.201)	998.311.056
51	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		(5.698.405.685)	31.120.719.667
52	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế TNDN công ty chứng khoán đã nộp		89.891.262	(916.196.893)
53	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		119.286.000	
54	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.826.261.069)	(3.358.196.535)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.451.195.306)	(26.129.135.081)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(199.571.613)	(1.052.980.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	510.909.091
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(199.571.613)	(542.070.909)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		3.918.380.000.339	2.920.523.584.900
73.2	3,2 Tiền vay khác		3.918.380.000.339	2.920.523.584.900
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.880.101.864.013)	(2.976.191.952.664)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(3.880.101.864.013)	(2.976.191.952.664)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.558.000.000)	-
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>32.720.136.326</i>	<i>(55.668.367.764)</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		11.069.369.407	(82.339.573.754)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		24.666.322.744	86.754.547.263
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		24.666.322.744	86.754.547.263
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		13.942.322.744	16.754.547.263
102.2	- Các khoản tương đương tiền		10.724.000.000	70.000.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		35.735.692.151	4.414.973.509
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		35.735.692.151	4.414.973.509
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		20.011.692.151	4.414.973.509
104.2	- Các khoản tương đương tiền		15.724.000.000	-

Handwritten signature

Handwritten signature



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng *Handwritten signature*

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc *Handwritten signature*

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		3.279.567.417.900	2.622.453.208.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(3.017.994.305.900)	(2.670.637.938.300)
09	9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(246.115.292.752)	51.038.434.948
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.045.676.801)	(728.520.875)
12	12. Thu lãi giao dịch chứng khoán		12.890.000	-
13	13. Chi lãi giao dịch chứng khoán		(12.890.000)	-
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		81.212.945.583	33.709.696.540
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(81.212.874.983)	(33.133.588.835)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		14.412.213.047	2.701.292.278
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		156.715.217.373	163.557.569.027
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		156.715.217.373	163.557.569.027
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		156.644.340.723	163.550.806.557
36	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		70.876.650	6.762.470
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		171.127.430.420	166.258.861.305
41	Tiền gửi ngân hàng cuối Kỳ trước:		171.127.430.420	166.258.861.305
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		171.056.483.170	165.675.991.130
46	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		70.947.250	582.870.175

[Signature]

[Signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng *[Signature]*

Nguyễn Thanh Hải *[Signature]*
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		2.986.678.942	2.986.678.942	-	-	345.168.298	-	2.986.678.942	3.331.847.240
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.986.678.942	2.986.678.942	-	-	345.168.298	-	2.986.678.942	3.331.847.240
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.913.305.026)	6.903.365.960	6.975.115.341	-	7.419.752.336	6.248.336.596	61.810.315	8.074.781.700
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(6.913.305.026)	6.903.365.960	6.975.115.341	-	7.419.752.336	6.248.336.596	61.810.315	8.074.781.700
CỘNG		396.060.052.858	409.876.723.844	6.975.115.341	-	8.110.085.932	6.248.336.596	403.035.168.199	411.738.476.180

Handwritten signature

Handwritten signature



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng *Handwritten signature*

Nguyễn Thanh Hải *Handwritten signature*
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần 4 ngày 22 tháng 4 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu;
Phòng Giao dịch tại Mỹ Đình.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2007

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh của toàn công ty và được ghi sổ kế toán tại Hội sở chính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

2.6 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 04 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |
| - Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. | |

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ quá hạn hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán và các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý, phải trả cổ tức cho đơn vị phát hành.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Và chi phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

2.14 . Ghi nhận chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.15 . Ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	20.011.692.151	13.942.322.744
Các khoản tương đương tiền	15.724.000.000	10.724.000.000
	<u>35.735.692.151</u>	<u>24.666.322.744</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	2.317.452	667.673.710.911
- Cổ phiếu	2.311.452	67.673.710.911
- Trái phiếu	6.000	600.000.000.000
Của nhà đầu tư	608.476.127	6.398.764.284.700
- Cổ phiếu	608.476.127	6.398.764.284.700
	610.793.579	7.066.437.995.611

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	22.929.247.764	-	22.510.566.154	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.243.949.031	-	59.901.475.354	-
	81.173.196.795	-	82.412.041.508	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

d) Các khoản cho vay

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Hoạt động margin	218.122.980.462	249.915.953.905
Hoạt động ứng trước tiền bán	57.467.661.908	29.289.404.697
	275.590.642.370	279.205.358.602

(*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ tại ngày 30/06/2016 với tổng giá trị tài sản cầm cố tính theo giá thị trường tại ngày 30/06/2016 có tính đến tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán giá gốc)

	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá sổ sách VND	Giá thị trường VND		
FVTPL		81.173.196.795	23.418.471.000	(1.093.373.396)	1.964.025.067
Cổ phiếu niêm yết		22.929.247.764	22.312.185.900	(1.084.798.179)	1.963.882.167
- SHN	105.056	1.329.063.675	1.019.043.200	(310.020.475)	(307.509.481)
- REE	140.480	3.136.282.351	2.879.840.000	(256.442.351)	(196.827.100)
- SSI	125.024	2.814.156.584	2.600.499.200	(213.657.384)	169.771.116
- CTG	70.052	1.277.995.383	1.176.873.600	(101.121.783)	(53.070.000)
- BID	100.214	1.822.635.974	1.753.745.000	(68.890.974)	(73.754.274)
- HCM	89.369	2.694.865.756	2.672.133.100	(22.732.656)	150.569.554
- Cổ phiếu lẻ	-	9.854.248.041	10.210.051.800	(111.932.556)	2.274.702.352
Cổ phiếu chưa niêm yết		58.243.949.031	1.106.285.100	(8.575.217)	(8.718.117)
Chứng khoán Upcom		1.101.021.532	1.106.285.100	(8.575.217)	142.900
- GEX	45.000	1.088.740.000	1.102.500.000	-	-
- Cổ phiếu lẻ	1.029	12.281.532	3.785.100	(8.575.217)	142.900
Cổ phiếu chưa niêm yết khác		57.142.927.499	-	-	-
- Công ty cổ phần Sapa NHP Việt Nam	2.425.610	24.595.685.400	-	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	2.765.584	25.114.006.552	-	-	-
- CTCP Bất Động Sản Exim	702.000	3.981.406.879	-	-	-
- CTCP Hóa dầu dầu khí VIDAMO	192.500	1.682.327.618	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	75.700	957.605.000	-	-	-
- Khác	190.406	811.896.050	-	-	-
AFS		20.000.000.000	-	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	2.000.000	20.000.000.000	-	-	-
		101.173.196.795	23.418.471.000	(1.093.373.396)	1.964.025.067

Ghi chú:

- Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá trị trường của cổ phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp	13.970.236.377	13.970.236.377
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	1.093.373.396	3.057.398.463
Tại ngày 30/06	15.063.609.773	17.027.634.840

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	7.813.891.112	8.862.019.665
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	421.261.975	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.532.355.486	1.406.929.277
Phải thu khác	5.872.970.325	7.385.895.448
	15.640.478.898	17.654.844.390

8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.517.850.220	3.517.850.220
Tại ngày 30/06	3.517.850.220	3.517.850.220

4
 Y
 JUN
 N
 IG
 IM
 T.F.

T.C.P
 AN BÌNH
 H.A.N.O.I

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Bảng biểu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này				Kỳ trước
	Số đầu kỳ	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối kỳ VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	(940.655.553)	(940.655.553)
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . CẦM CỔ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Cầm cổ, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	747.188.416	700.307.416
	<u><u>747.188.416</u></u>	<u><u>700.307.416</u></u>

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng khác	266.956.492	356.926.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	2.367.187.500	280.773.975
Phải thu Bảo hiểm xã hội	6.686.050	-
Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	748.440	-
	<u><u>2.641.578.482</u></u>	<u><u>637.699.975</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	9.700.202.321	14.338.897.955	2.640.713.000	-	-	26.679.813.276
Tại ngày 30/06/2016	9.700.202.321	14.338.897.955	2.640.713.000	-	-	26.679.813.276
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	732.993.154	11.259.230.699	1.355.613.038	-	-	13.347.836.891
Khấu hao trong kỳ	113.068.338	322.972.771	132.035.646	-	-	568.076.755
Tại ngày 30/06/2016	846.061.492	11.582.203.470	1.487.648.684	-	-	13.915.913.646
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	8.967.209.167	3.079.667.256	1.285.099.962	-	-	13.331.976.385
Tại ngày 30/06/2016	8.854.140.829	2.756.694.485	1.153.064.316	-	-	12.763.899.630

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.371.071.009 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	125.000.000.000	26.377.094.185	151.377.094.185
Mua trong kỳ	-	138.211.000	138.211.000
Tại ngày 30/06/2016	125.000.000.000	26.515.305.185	151.515.305.185
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	-	21.270.233.082	21.270.233.082
Khấu hao trong kỳ	-	1.624.529.387	1.624.529.387
Tại ngày 30/06/2016	-	22.894.762.469	22.894.762.469
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình			
Tại ngày 01/01/2016	125.000.000.000	5.106.861.103	130.106.861.103
Tại ngày 30/06/2016	125.000.000.000	3.620.542.716	128.620.542.716

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	10.460.379.535	6.881.922.825
Tiền lãi phân bổ trong năm/kỳ	585.240.618	2.961.411.045
Số dư cuối kỳ	11.165.620.153	9.963.333.870

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2016 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Vay ngắn hạn	111.938.256.442	3.918.380.000.339	3.880.101.864.013	150.216.392.768
Vay ngân hàng				
TMCP An Bình	111.938.256.442	3.878.206.000.339	3.880.101.864.013	110.042.392.768
Vay đối tượng khác	-	40.174.000.000	-	40.174.000.000
	111.938.256.442	3.918.380.000.339	3.880.101.864.013	150.216.392.768

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Vay ngân hàng TMCP An Bình bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

Vay đối tượng khác là vay các cá nhân mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh thời hạn là 6 tháng. Hình thức đảm bảo tín chấp.

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	416.543.663	-
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	1.296.476.500	27.493.958.500
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	148.798.038	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	511.686.453	200.628.518
	2.373.504.654	27.694.587.018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	88.516.753	83.758.754
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.071.796.826	981.905.564
Thuế Thu nhập cá nhân	1.905.431.836	1.927.966.036
	3.065.745.415	2.993.630.354

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**a) Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả Ngân hàng TMCP An Bình	-	4.742.383.589
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.548.995	92.980.537
	94.548.995	4.835.364.126

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	5,20%	20.650.000.000	5,20%	20.650.000.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Đào Mạnh Kháng	6,34%	25.150.000.000	6,34%	25.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	16,03%	63.625.850.000	16,03%	63.625.850.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	8.074.781.700	61.810.315
	8.074.781.700	61.810.315

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	6.903.365.960	(6.913.305.026)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	7.419.752.336	6.975.115.341
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 30/06	14.323.118.296	61.810.315
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	690.336.596	-
- Quỹ dự trữ điều lệ	345.168.298	-
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	345.168.298	-
	5.558.000.000	-
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay		
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	99.745.095	-
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	5.458.254.905	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 678/QĐ-HĐQT2016 ngày 22/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.903.365.960
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	345.168.298
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	345.168.298
Chi trả cổ tức (bằng 1,4% vốn điều lệ)		5.558.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối		655.029.364

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.458.254.905	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	5.458.254.905	-

f) Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.968.020.000	14.703.530.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	840.000	-
	14.968.860.000	14.703.530.000

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	83.509.350.000	85.947.000.000
	83.509.350.000	85.947.000.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.301.343.970.000	2.052.417.420.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	116.549.030.000	98.195.910.000
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	517.538.280.000	122.232.000.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	77.250.970.000	32.592.080.000
	3.012.682.250.000	2.305.437.410.000

22 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	171.056.483.170	156.644.340.723
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	171.056.483.170	156.644.340.723
1.1. Nhà đầu tư trong nước	171.041.903.743	156.556.556.290
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	14.579.427	87.784.433
	171.056.483.170	156.644.340.723

23 . TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	70.947.250	70.876.650
	70.947.250	70.876.650

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

24 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	171.056.483.170	156.644.340.723
1.1 Nhà đầu tư trong nước	171.041.903.743	156.556.556.290
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	14.579.427	87.784.433
	<u>171.056.483.170</u>	<u>156.644.340.723</u>

25 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	70.947.250	70.876.650
	<u>70.947.250</u>	<u>70.876.650</u>

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1.1 Phải trả gốc margin	218.122.980.462	249.915.953.905
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	218.122.980.462	249.915.953.905
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	57.467.661.908	29.289.404.697
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	57.467.661.908	29.289.404.697
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	57.467.661.908	29.289.404.697
	<u>275.590.642.370</u>	<u>279.205.358.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

27 . THU NHẬP**a) . Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	1.195.930	30.186.460.457	33.125.888.068	1.136.680.557	4.076.108.168	527.537.388	640.284.704
Cổ phiếu chưa niêm yết	591.390	3.697.577.505	3.735.292.105	-	37.714.600	27.500.000	2.268.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	3.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-
		333.884.037.962	336.861.180.173	1.136.680.557	4.113.822.768	555.037.388	2.908.284.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.318.771.390	305.779.000
Từ các khoản cho vay	17.518.635.954	17.524.196.884
	18.837.407.344	17.829.975.884

29 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.947.247.261	10.907.892.404
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.045.676.801	728.520.875
Chi phí hoạt động tư vấn	370.000.000	805.399.999
Chi phí dịch vụ khác	12.677.000	1.219.020
	7.375.601.062	12.443.032.298

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	8.078.911.928	7.146.355.953
Chi phí công cụ, dụng cụ	560.884.607	567.866.975
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.192.606.142	2.342.949.501
Chi phí thuế, phí và lệ phí	11.000.000	11.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	5.242.479.877	5.151.013.916
	16.085.882.554	15.219.186.345

139
 TY
 HÃ
 KH
 BÌ
 A-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.027.478.595	8.601.711.443
Các khoản điều chỉnh tăng	243.100.000	121.724.091
- Chi phí không hợp lệ	243.100.000	121.724.091
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.318.771.390)	(590.455.024)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.318.771.390)	(305.779.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(284.676.024)
Tổng thu nhập tính thuế	7.951.807.205	8.132.980.510
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.590.361.441	1.626.596.102
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	17.364.818	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.607.726.259	1.626.596.102

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.419.752.336	6.975.115.341
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.419.752.336	6.975.115.341
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	187	176

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	13.192.661.191	2.455.451.947	22.089.272.015	37.737.385.153	-	37.737.385.153
Chi phí hoạt động	5.947.247.261	2.149.797.701	4.671.383.361	12.768.428.323	-	12.768.428.323
Chi phí không phân bổ	-	-	-	16.085.882.554	-	16.085.882.554
Kết quả hoạt động	7.245.413.930	305.654.246	17.417.888.654	8.883.074.276	-	8.883.074.276
Tài sản bộ phận trực tiếp	15.053.095.744	108.987.087.907	-	124.040.183.651	-	124.040.183.651
Tài sản không phân bổ	-	-	-	444.836.891.929	-	444.836.891.929
Tổng tài sản	15.053.095.744	108.987.087.907	-	568.877.075.580	-	568.877.075.580
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	505.471.400	150.310.941.763	150.816.413.163	-	150.816.413.163
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.322.186.237	-	6.322.186.237
Tổng nợ phải trả	-	505.471.400	150.310.941.763	157.138.599.400	-	157.138.599.400

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Cổ tức được chia			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	1.078.577.760	-
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	2.551.574.649	2.426.188.411

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	25.114.006.552	25.114.006.552
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	110.042.392.768	111.938.256.442
Phải trả khác			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	-	4.742.383.589

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.071.040.000	1.003.229.400

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán, do đó số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng để so sánh với số liệu năm nay.

[Signature]
Quách Thị Xuân Thu
Người lập

[Signature]
Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

